

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU  
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
THÀNH PHỐ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 726/TB-CCTHADS

TP. Cà Mau, ngày 13 tháng 9 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**Về việc bán đấu giá tài sản (lần 10)**

Căn cứ Bản án số 19/2014/KDTM-ST ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 10/2018/KDTM-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 2151/QĐ-CCTHA ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1318/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-CCTHADS ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc cưỡng chế kê biên tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án;

Căn cứ Biên bản ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc kê biên, xử lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-CCTHADS ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc giám giá tài sản (lần 09);

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ Đấu giá tài sản số 72/HĐDVĐG/2021 ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau và Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Thông báo số 72/TB-ĐGTS ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau về việc đấu giá tài sản để thi hành án dân sự;

Căn cứ Phụ lục số 10/PLHD/2021 ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau về việc phụ lục Hợp đồng Dịch vụ Đấu giá tài sản số 72/HDDVĐG/2021 ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau và Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Thông báo số 72A/TB-ĐGTS ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau về việc đấu giá tài sản để thi hành án dân sự.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau tổ chức bán đấu giá tài sản của Công ty TNHH Nhật Đức, địa chỉ: số 234, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và tài sản của ông Huỳnh Minh Trung, bà Trần Thị Thanh Thúy, ông Huỳnh Trần Minh Nhật, trú tại số 197, đường Nguyễn Du, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, như sau:

#### I. Các tài sản đưa ra bán đấu giá:

1. Tài sản của ông Huỳnh Minh Trung và bà Trần Thị Thanh Thúy - người có tài sản bảo lãnh cho Công ty TNHH Nhật Đức (Khu vực Nhà văn phòng Công ty TNHH Nhật Đức, địa chỉ: số 234, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau):

Stt	Tên tài sản	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thành tiền (Vnd)
1.1	Diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	LUK	962,55	1.001.763.546
1.2	Diện tích ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Đất nông nghiệp	41,85	43.554.937
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.045.318.483</b>

2. Tài sản của Công ty TNHH Nhật Đức, khu vực văn phòng số 234, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau gắn liền với các Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 034266, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 50; Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 278909, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 258; Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 278908, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 291, do Cục THADS tỉnh Cà Mau kê biên:

#### 2.1. Công trình xây dựng:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
-----	-------------	-----	----------	---------------

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
2.1.1	Bảng đá Granite tên trụ sở.	m <sup>2</sup>	16,56	13.661.606
2.1.2	Tường rào khu vực trụ sở.	md	524,82	346.371.215
2.1.3	Nhà bảo vệ.	m <sup>2</sup>	9,52	12.486.775
2.1.4	Nhà xe công nhân.	m <sup>2</sup>	145,6	27.497.448
2.1.5	Phòng chờ - phòng kỹ thuật.	m <sup>2</sup>	50	60.921.321
2.1.6	Nhà bao che máy phát điện.	m <sup>2</sup>	64,37	42.482.975
2.1.7	Nhà bao che hăng nước đá.	m <sup>2</sup>	258,75	150.303.942
2.1.8	Nhà chứa Nước đá.	m <sup>2</sup>	42,6	28.547.730
2.1.9	Tháp giải nhiệt (Hồ nước tháp giải nhiệt).	Hồ	1	22.723.652
2.1.10	Hồ nước.	Hồ	1	53.732.604
2.1.11	Mái che trước hăng nước đá.	m <sup>2</sup>	260	57.286.348
2.1.12	Nhà xe ô tô.	m <sup>2</sup>	128,4	67.793.246
2.1.13	Phân xưởng sản xuất chính I.	m <sup>2</sup>	2.299,5	3.011.904.408
2.1.14	Phân xưởng sản xuất chính II.	m <sup>2</sup>	1.310,4	1.729.678.139
2.1.15	Nhà vệ sinh + khu giặt ủi.	m <sup>2</sup>	277,2	274.420.090
2.1.16	Nhà bảo hộ lao động.	m <sup>2</sup>	225	252.442.724
2.1.17	Hồ xử lý nước thải.	Công trình	1	149.348.618
2.1.18	Nhà trực hồ xử lý nước thải.	m <sup>2</sup>	10,5	6.108.886
2.1.19	Mương cống thoát nước.	md	269,18	97.709.524
2.1.20	Giếng nước.	Công trình	1	41.902.193
2.1.21	Sân bãi, đường đi nội bộ.	m <sup>2</sup>	1.907,13	283.200.642
	<b>Tổng cộng</b>			<b>6.730.524.086</b>

2.2. Công trình xây dựng Văn phòng số 234, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau:

Tên tài sản	Đvt	Diện tích	Thành tiền (Vnd)
Nhà văn phòng.	m <sup>2</sup>	1.403,66	2.743.536.344

2.3. Các dây chuyền máy móc thiết bị:

Sst	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
2.3.1	Máy nén hăng nước đá.	Bộ	1	54.919.810
2.3.2	Máy và thiết bị hăng nước đá.	Bộ	1	197.740.454
2.3.3	Dây cáp xây dựng hăng nước đá.	Bộ	1	15.687.240
2.3.4	Bơm cấp dịch.	Cái	1	33.328.837
2.3.5	Hệ thống PCCC.	HT	1	27.190.708
2.3.6	Hệ thống phân cỡ tôm 1.	HT	1	799.963.955
2.3.7	Hệ thống phân cỡ tôm 2.	HT	1	799.963.955
2.3.8	Hệ thống phân cỡ tôm 3.	HT	1	852.508.594
2.3.9	Hệ thống phân cỡ tôm 4.	HT	1	799.202.438
2.3.10	Tủ đông Block 500kg/mẻ.	Cái	1	118.796.576
2.3.11	Trạm hạ thế 630 KVA.	Trạm	1	189.744.530
2.3.12	Máy phát điện 450 KVA – Hiệu YANMAR.	Cái	1	184.794.674
2.3.13	Máy rửa tôm nguyên liệu 350 kg/mẻ.	Cái	1	58.636.772
2.3.14	Máy rửa tôm nguyên liệu 2.500 kg/mẻ.	Cái	1	97.727.952
2.3.15	Máy dò kim loại model: KD 8115AW.	Cái	1	97.588.341
2.3.16	Máy dò kim loại KD 8115 AW.	Cái	1	97.588.341
2.3.17	Máy đóng gói hút chân không – Model: SC 800.	Cái	1	33.506.726
2.3.18	Băng chuyên cấp đông siêu tốc THERMO – JACK MYCOM 750kg	Bộ	1	3.460.525.968
2.3.19	Máy nén trục vít hiệu Mycom cho băng chuyên siêu tốc.	Bộ	1	954.302.029
2.3.20	Dàn ngưng tụ bay hơi cho băng chuyên cấp đông EVAPCO.	Bộ	1	164.487.567
2.3.21	Băng chuyên tái đông 850kg/h và băng tải nạp liệu.	HT	1	982.846.106
2.3.22	Máy tách khuôn mạ băng	Bộ	1	26.203.783
2.3.23	Panel cách nhiệt kho lạnh, hành lang lạnh, cửa kho lạnh và phụ kiện lắp đặt.	HT	1	153.765.415
2.3.24	Máy đóng gói hút chân không – model NH-520/850.	Cái	1	30.460.661
2.3.25	Máy đóng màng co tự đông: Model F510.	Cái	1	152.303

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
2.3.26	Máy đóng bao bì Model ST- M901.	Cái	1	2.030.711
2.3.27	Máy đóng gói màng co.	Cái	1	50.767.768
2.3.28	Máy đánh dây.	Cái	1	2.030.711
2.3.29	Thiết bị hồ xử lý nước thải.	Bộ	1	67.471.377
	<b>Tổng cộng</b>			<b>10.353.934.302</b>

#### 2.4. Máy phát điện, trạm biến áp, hệ thống xử lý nước giếng:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
2.4.1	Máy phát điện 700KVA.	Bộ	1	296.991.440
2.4.2	Trạm biến áp 1.250 KVA.	Bộ	1	198.984.263
2.4.3	Hệ thống xử lý nước giếng.	Hệ thống	1	88.945.129
	<b>Tổng cộng</b>			<b>584.920.832</b>

3. Tài sản của ông Huỳnh Trần Minh Nhật - khu vực nhà văn phòng số 234, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau gắn liền với các Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 034266, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 50; Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 278909, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 258; Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 278908, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 291, do Cục THADS tỉnh Cà Mau kê biên.

#### 3.1. Máy móc thiết bị:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
3.1.1	Tủ đông block.	Tủ	2	384.438.918
3.1.2	Hệ thống đá vẩy.	Hệ thống	1	105.089.279
3.1.3	Dàn lạnh phân xưởng + dàn lạnh trong kho lạnh.	Dàn-	18	115.141.297
3.1.4	Máy nén lạnh Mycom - Model: N62B.	Bộ	1	281.532.654
3.1.5	Cụm máy nén.	Cụm	1	152.092.616
3.1.6	Cụm máy nén.	Cụm	1	96.362.300
3.1.7	Hệ thống điện, đường ống và các bình áp lực.	Hệ thống	1	745.981.574



Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
3.1.8	Dàn ngưng tụ cường bức 1.	Bộ	2	39.598.858
3.1.9	Dàn ngưng tụ cường bức 2.	Bộ	1	237.593.152
3.1.10	Hệ thống thiết bị kèm theo dàn ngưng.	Hệ thống	1	49.955.483
3.1.11	Máy giặt.	Cái	1	77.547.764
3.1.12	Hệ thống đường dây điện trạm biến áp 1.250Kva và 630Kva.	Hệ thống	1	112.653.676
<b>Tổng cộng</b>				<b>2.397.987.568</b>

### 3.2. Công trình xây dựng gắn liền với đất:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Giá trị (Vnd)
3.2.1	Bồn hoa.	Bồn	5	7.094.796
3.2.2	Kho bao bì (Phòng bảo vệ cũ)	m <sup>2</sup>	44,8	30.022.027
3.2.3	Hồ xử lý nước cấp.	Hồ	1	56.461.373
3.2.4	Hòn non bộ.	Cái	1	30.563.720
3.2.5	Cổng chính.	Công trình	1	14.354.586
3.2.6	Cổng chào hăng nước đá.	Cái	1	11.661.864
3.2.7	Nhà bao che trạm biến áp.	m <sup>2</sup>	32,8	165.818.901
3.2.8	Sàn để giàn ngưng.	m <sup>2</sup>	10	77.844.756
3.2.9	Mái che bên hông nhà văn phòng.	m <sup>2</sup>	105,03	13.447.654
<b>Tổng cộng</b>				<b>407.269.678</b>

### 3.3. Cây trồng trên đất:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Thành tiền (Vnd)
3.3.1	Cây Sứ lớn.	Cây	19	17.362.578
3.3.2	Cây Sứ nhỏ.	Cây	3	1.675.337
3.3.3	Cây Xanh.	Cây	18	54.829.190
3.3.4	Cây Hoàng yến.	Cây	14	710.749
3.3.5	Cây Cau lớn.	Cây	9	1.759.103
3.3.6	Cây Cau trung.	Cây	9	927.528
3.3.7	Cây Cau nhỏ.	Cây	9	461.480

3.3.8	Cây Si.	Bụi	3	22.845.496
3.3.9	Cây Bằng lăng nhỏ	Cây	1	761.517
3.3.10	Cây Bằng lăng lớn	Cây	2	4.061.421
3.3.11	Cây phát tài.	Cây	3	761.517
3.3.12	Bụi tre kiểng.	Bụi	14	142.150
3.3.13	Cây bã đậu	Cây	1	1.015.356
3.3.14	Cây gừa.	Bụi	2	1.015.356
3.3.15	Cây nguyệt quế kiểng.	Bụi	5	1.269.194
3.3.16	Cây phát tài lớn trồng trong bồn.	Bồn	1	685.364
3.3.17	Cây xanh trồng trong bồn.	Bồn	2	1.167.659
	<b>Tổng cộng</b>			<b>111.450.993</b>

II. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá là: 24.374.942.287 đồng (Hai mươi bốn tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng).

III. Thời gian và địa điểm bán đấu giá: Lúc 09 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau, địa chỉ: số 07, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

IV. Thời gian và địa điểm nộp đơn đăng ký mua tài sản: Từ ngày thông báo đến 15 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2021, tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau, địa chỉ: số 07, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

V. Thời gian và địa điểm xem tài sản: Trong 02 ngày, ngày 29 tháng 9 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2021. Tại nơi có tài sản, địa chỉ ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

VI. Tiền đặt trước: 20% của giá khởi điểm, nộp vào tài khoản số 023.002.494.810.001 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh Cà Mau.

Trước khi mở cuộc đấu giá một ngày làm việc, Công ty TNHH Nhật Đức, ông Huỳnh Trần Minh Nhật, ông Huỳnh Minh Trung, bà Trần Thị Thanh Thúy, có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ số tiền phải thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, định giá, tổ chức bán đấu giá đồng thời có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Định Bình;
- VKSND TP Cà Mau;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



*Nguyễn Văn Út*

